

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 352/2024/DS-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2024

V/v “Tranh chấp đòi tài sản-tiền”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân - Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp đòi tài sản-tiền” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 622/2024/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 607/2024/QĐST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970. Có mặt.

1.2. Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1971. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Lãng Anh T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

2.2. Bà Triệu Ngọc T1, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Trung H1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1). Địa chỉ trụ sở chính: phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Trí T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả ông H, bà D 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày khởi kiện 20/3/2024 là 115.200.000 đồng. Tổng vốn và lãi ông H, bà D yêu cầu ông T và bà T1 liên đới trả là 2.515.200.000đ (Hai tỷ năm trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật.

Lý do yêu cầu: Ngày 11/7/2023 ông H, bà D thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 01 căn nhà gắn liền đất tọa lạc tại phường M, thành phố Long Xuyên với giá 5.500.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận hai bên xác lập Hợp đồng đặt cọc ngày 11/7/2023. Theo đó, bà T1 đặt cọc cho ông bà 200.000.000 đồng; đến ngày 14/7/2023 ông T, bà T1 đưa thêm cho ông bà 1.800.000.000 đồng và hai bên làm biên nhận tổng số tiền ông bà đã nhận của vợ chồng ông T, bà T1 2.000.000.000 đồng; ngày 06/11/2023 ông T, bà T1 đưa thêm cho ông bà 1.100.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển nhượng vợ chồng ông bà đã nhận của ông T và bà T1 là 3.100.000.000đ (Ba tỷ một trăm triệu) đồng. Đến ngày 06/11/2023 ông bà cùng với ông T và bà T1 ký tờ thỏa thuận viết tay có bên làm chứng Huỳnh Thị T3 với nội dung “*Bên B có mua của bên A 1 tài sản nhà và đất đường B, phường M, TPLX số tiền là 5.500.000.000 đồng. Bên B đã trả cho anh H và chị D số tiền là 3.100.000.000đ (Ba tỷ một trăm triệu đồng) số tiền còn nợ lại 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Vợ chồng chúng tôi (T + T1) xin hẹn với anh H và chị D đến hết ngày 29/12/2023 dương lịch chúng tôi sẽ hoàn trả hết số tiền còn lại là 2.400.000.000đ cho anh chị, có bên thứ 3 làm chứng là chị Huỳnh Thị T3. Nếu sai lời hứa chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Long Xuyên ngày 6/11/2023*”. Tuy nhiên đến kỳ hẹn ông T và bà T1 không thực hiện theo thỏa thuận, ông bà nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở nhưng ông T và bà T1 vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa ông H, bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông T, bà T1 trả 115.200.000 đồng tiền lãi của khoản tiền chậm trả 2.400.000.000đ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông bà đối với ông T và bà T1 là tờ thỏa thuận ngày 06/11/2023 và Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập số: 10/VB-TPL, ngày 12 tháng 3 năm 2024.

Theo đơn khởi kiện ông bà xác định ông Phan Trung H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là muốn chứng minh việc chuyển nhượng nhà đất trên giữa ông bà với ông T và bà T1 đã hoàn tất. Lý do ông bà chuyển nhượng nhà đất cho ông T, bà T1 nhưng trên hợp

đồng chuyển nhượng ghi tên ông T2 (bên nhận chuyển nhượng) là theo yêu cầu của ông T, bà T1. Vì ông T và bà T1 cho rằng do bị nợ xấu nên nhờ ông T2 đứng tên để vay Ngân hàng. Sau đó, ông T2 chuyển nhượng lại cho ông Phan Trung H1 cũng là do ông T, bà T1 nhờ ông H1 đứng tên để vay Ngân hàng dùng ông T, bà T1. Việc ông Nguyễn Trí T2 chuyển nhượng cho ông Phan Trung H1 được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên xác nhận theo hồ sơ số 5996/23 ngày 10/8/2023.

Ông H, bà D xác định không tranh chấp tài sản chuyển nhượng, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông bà với ông T2; ông H1; ông T, bà T1 và cũng không tranh chấp, không có ý kiến việc ông H1 thế chấp tài sản mà ông H1 đứng tên dùng ông T, bà T1 để vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi là Ngân hàng). Ông bà xác định số tiền ông bà kiện ông T và bà T1 không liên quan đến ông H1 và không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người nào khác trong vụ án này.

** Quá trình tố tụng ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 là bị đơn; ông Nguyễn Trí T2 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D .*

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Phan Trung H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông trình bày:*

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D đối với ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông nên ông không có ý kiến.

Về việc ông đứng tên dùng ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để vay tiền tại Ngân hàng dùng ông T, bà T1 thì không liên quan trong vụ án này. Nếu Ngân hàng có tranh chấp hoặc phát sinh tranh chấp giữa ông với ông T, bà T1 sẽ giải quyết vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:*

Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thủ tục tổng đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H, bà D thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; ông H1 thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; ông T, bà T1, ông T2, Ngân hàng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị D đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị D. Buộc ông Lăng Anh T, bà Triệu Ngọc T1 trả số tiền 2.400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông H và bà D khởi kiện ông T và bà T1 về tranh chấp giao dịch dân sự. Ông T và bà T1 có đăng ký thường trú tại phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Phiếu yêu cầu xác minh tại Công an phường M, thành phố Long Xuyên ngày 12/4/2024, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng ông T và bà T1 là bị đơn; ông T2 và Ngân hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông H và bà D khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 liên đới nghĩa vụ trả 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng. Rút yêu cầu trả tiền lãi 115.200.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tờ thỏa thuận của ông T và bà T1 ngày 06/11/2023 và Vi Bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập số: 10/VB-TPL, ngày 12 tháng 3 năm 2024.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng họp lệ nhưng ông T, bà T1, ông T2, Ngân hàng vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà D để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là các đương sự đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H và bà D, Hội đồng xét xử nhận thấy theo tờ thỏa thuận ngày 06/11/2023 ông T và bà T1 xác nhận ông bà có mua nhà đất của ông H và bà D với số tiền 5.500.000.000 đồng, đã trả 3.100.000.000 đồng, còn nợ lại 2.400.000.000

đồng. Ông T, bà T1 hẹn với ông H và bà D đến hết ngày 29/12/2023 dương lịch sẽ trả hết số tiền còn lại 2.400.000.000 đồng cho ông H, bà D. Tuy nhiên đến nay đã quá kỳ hạn thanh toán, ông và bà nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà T1 vẫn không thực hiện theo thỏa thuận.

Nhận thấy, giao dịch dân sự giữa ông H và bà D với ông T và bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

[3]. Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tờ thỏa thuận do ông T và bà T1 xác lập ngày 06/11/2023 và Vi Bằng do Văn phòng Thừa phát lại lập số: 10/VB-TPL, ngày 12/3/2024 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà D buộc ông T, bà T1 liên đới nghĩa vụ trả 2.400.000.000 đồng như ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[4]. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi 115.200.000 đồng trong tổng số tiền theo đơn khởi kiện 2.515.200.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của luật. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[5]. Đối với việc ông T2 nhận chuyển nhượng từ ông H, bà D sau đó chuyển nhượng lại cho ông H1 và ông H1 thế chấp tài sản này để vay tiền Ngân hàng. Do các đương sự không yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lăng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 liên đới chịu 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông H và bà D 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông H và bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D đối với ông Lãng Anh T và bà Triệu Ngọc T1. Buộc ông Lãng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D số tiền 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị D về việc không yêu cầu ông Lãng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 trả 115.200.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí:

Ông Lãng Anh T và bà Triệu Ngọc T1 liên đới nghĩa vụ chịu 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H được nhận lại 41.152.000đ (Bốn mươi một triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001872, ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà Trịnh Thị D được nhận lại 41.152.000đ (Bốn mươi một triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001873, ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa